HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171: ___Y ___N
EXIT VISA.#: _____

WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM HUỲNH (Last) THỊ (Middle) NAM (First)

Current Address 32/8 Cau Cong - An Khanh - Thủ Đức - HCM City

Date of Birth 06-30-1939 Place of Birth Gia Định

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/FATHER)

TRẦN VĂN HẢI

Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position) Sĩ Quan Hải Quân

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 6/25 To DEATH DATE: 2/77

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

_____
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

_____

_____

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Sài gòn ngày 30 - 7 - 1990

Kính thưa Bà

Tôi tên là Huỳnh - Thị - Năm sinh năm 1939
Nơi sinh: An - Khánh
Địa chỉ cư trú: 32/8 ấp Cây - Cồng, xã
An - Khánh, huyện Thủ - Đức, TP. Hồ Chí Minh
Chồng tôi tên là: TRẦN VĂN HẢI
Sinh năm 1934
Cấp bậc, Thiếu uý số quân 59/185127 -
Đã chết trong Trại cải - tạo 1977.
Nay tôi gửi đến quý, cùng các giấy
tờ đính kèm, kính xin vui lòng giúp
đỡ cho gia - đình tôi được sang định
cư tại Hoa - Kỳ.

Xin chân - thành cảm ơn Bà.

Ký tên

Năm

Huỳnh - Thị Năm

B.T.L. ĐOÀN 500
Trung đoàn
Số : 02 /BC

GIẤY BÁO CHẾT

Họ và tên : Trần Văn Hải Năm sinh : 8-1954

Cấp bậc : thiếu uý Số quân . 54/185 127

Chức vụ trong quân đội ngụy : Trung đội trưởng

Con (Chồng) của ông, bà : Trần Bá Châu và Nguyễn thị Thanh - vợ Huỳnh thị Năm.

Hiện nay ngụ tại : 32/8 đường cầu công an Khánh Sai gòn 9.

Đã tập trung học tập ngày :

Đã chết ngày : 25/2/1977

Lý do chết : ung thư dạ dày

Mộ chí đặt tại : phía Tây Nam thành ông Năm

Tư trang, tài sản, di vật kỷ niệm của người chết đã kiểm kê nộp biên bản ngày / /197...

Hiện đang giữ ở Trung đoàn :

- Biên bản kiểm kê tư vật .
- Giám định của Hội đồng y khoa . (Nếu là ốm chết)
- Sơ đồ mộ chí .

Ngày 26 tháng 2 năm 1977 .

THỦ TRƯỞNG TRUNG ĐOÀN. ...

Đã Ký.

thiếu tá: Nguyễn thái Lai

Sao y bản chính
Ngày 28 / 2 / 1977...
THỦ TRƯỞNG PÒNG QUẢN GIÁO

thiếu tá : Đỗ hữu Nghĩ.

Biên bản điều nghiệm thi trong cải khám chết
anh trần văn Hải

Đơn vị D3.

cấp lực thiếu uý. (ngụy)

Hiện vật gồm có.

1 – màn tuyên ngụy cũ
1 – mảnh vải đắp mắn hoa mỏ.
1 – áo ấm ngụy cũ vấn mặt
2 – bộ quần áo ngụy cũ
1 – quần dần sự mầu sám
1 – áo lót mầu đen
1 – tuổi vải nhựa Rách lang (Rách)
1 – tuổi bao cát
6 – viên thuốc A.B.C
8 – viên gas de nal

Các hiện vật trên được sự đồng ý
của ý sinh trực cho mai táng, ngoài ra không
có gì đặc biệt.

25-2-77

Sao ý bản chính
ngày 25-2-77
thiếu tá phòng 4.

Đại diện điều nghiên
Đã ký
nguyễn thành chân

Ý sinh trực
Đã ký
trần đình mai ng tiểu thiệp

Ý tá hình chính
Đã ký.

thiếu tá: Đỗ hiền nghĩ.

Biên bản bệnh nhân cải Huấn chết
B' Bệnh Viện K85 Đ 19.

Họ và tên Trần Khánh Tuổi 43 tuổi
cấp bậc thiếu úy (ngụy)
đơn vị cải Huấn : D3
quê quán 32/8 khóm cầu cang, phường an khánh Sgòn 9.
khi cần báo tin : Huỳnh thị Nhiều địa chỉ trên
vào Viện 10-8-76, chẩn đoán của đơn vị gửi thiệu H/c dạ
dày cụy thời, (dịp tin lâm sàng khó điều trình)
quá tích điều trị tại Viện K85 trên 6 tháng nói tung anh em
chuyên môn y BS. Đã tận tình cứu chữa, nhưng vì bệnh trình quá
nặng nhưng khả năng gánh ý, nhưng chuyên môn vẫn quyết tâm
điều trị đến cùng Bệnh nhân không chuyển giảm đến
đến 9 giờ 45 Bệnh nhân nhiều mạnh hoàn toàn có tin các
bọi thuốc cấp cứu kẩn không kết quả đến 19 giờ 15 bệnh
nhân hồi đã tắt thở tin ngừng đập hoàn toàn.
Lúc B/N hồi chết có một Bác Sỹ Mai y tá Sẻ và một
Số anh em cải huấn đang điều trị tại Viện K85.
Tiến hành kiểm kê tư trang của Bệnh nhân hồi có vài
bản riêng, sau khi chết lau mình mẩy mặc quần áo
cẩn thận đưa ra nhà Sal, sau đó tổ chức chôn cất
cm đáo đúng chích sách của nhà Nước đã ban hành.

25/2/77

Sao y bản chính
ngày 26-2-77
thủ trưởng phòng 4.

Đại Diện Ban 4. BCHK85 Bác Sỹ điều trị
Đã ký. Đã ký Đã ký.
Trần Đình Diệp y: N Điệu Bác Sỹ Mai

thiếu tá : Đỗ Văn Nghĩ.

SƠ ĐỒ MỘ

Trần Thanh Hải : Chết Ngày 25/02/1977
Đặt tại phía Tây Nam Thành ông Năm

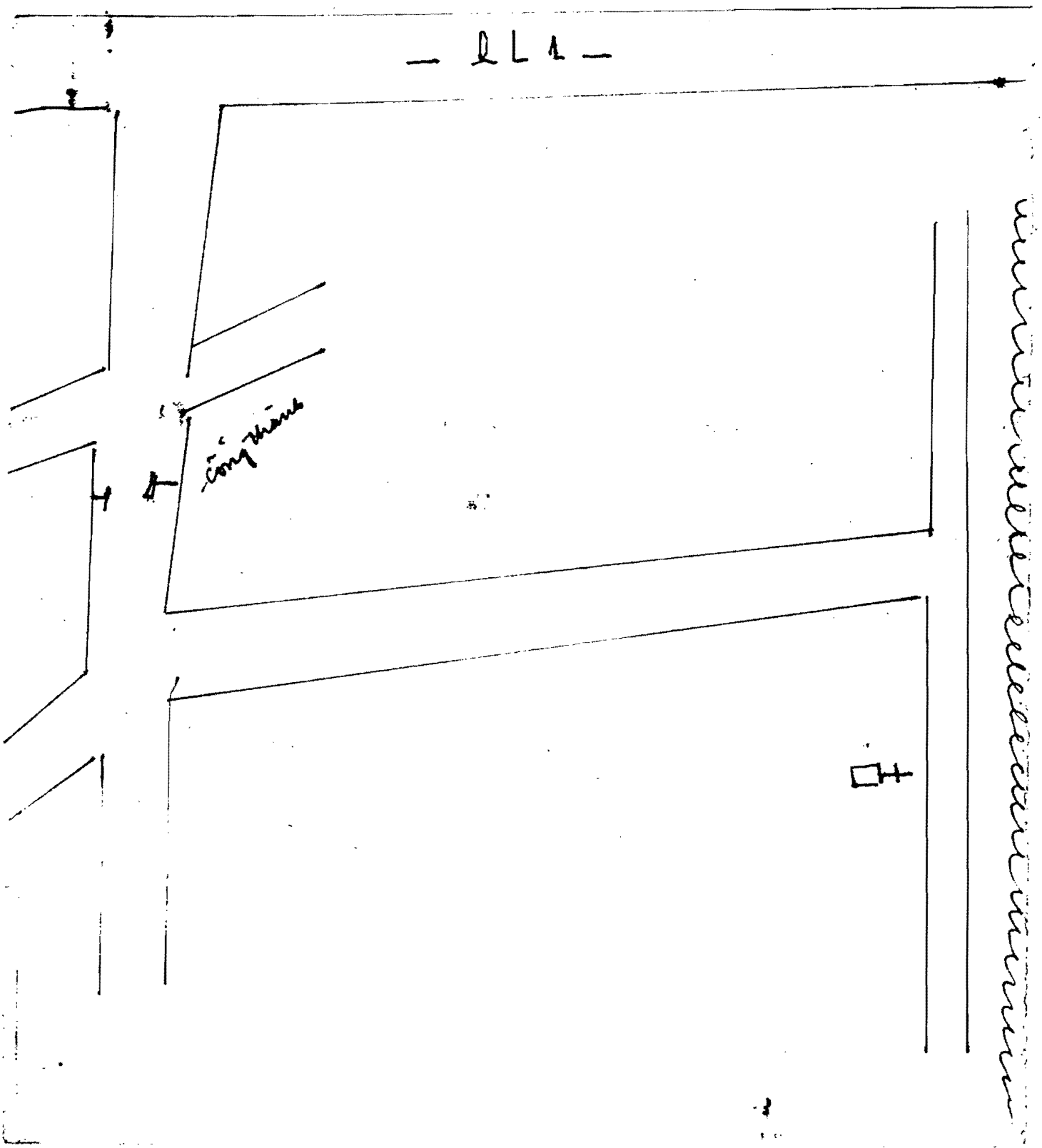

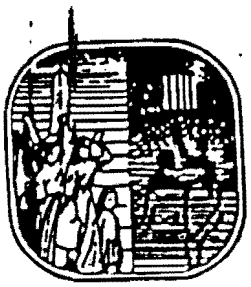

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE 703-560-0058

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : ___Yes___

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUỲNH THỊ NĂM
   Last Middle First

   Current Address 32/8 CẦU CÔNG XÃ AN KHÁNH - HUYỆN THỦ ĐỨC

   Date of Birth 1939 Place of Birth _____

   Previous Occupation (before 1975) Sub-LIEUTENANT - CHIEF PLATOON
   (Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 1975 To 1977 and died in the camp.

3. SPONSOR'S NAME: _____
   Name

   _____
   Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : ~~HUỲNH~~ THỊ NĂM
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
C1) TRẦN THỊ MỸ LINH	1970	Daughter
~~C2) TRẦN THỊ MỸ DUNG~~	1971	Daughter
C3) TRẦN HỒNG MAI	1981	Grand-child
C4) TRẦN THỊ HỒNG LIÊN	1964	Daughter
~~C5) TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT~~	1959	Daughter
C6) TÔ THANH SƠN	1980	Grand-child
C7) TÔ NGỌC TRẦN PHƯƠNG	1982	Grand-child
~~C8) HỒ THỊ THÚY DIỄM~~	1985	Grand-child

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

AS THE SAME

6. ADDITIONAL INFORMATION : My family has met a lot of difficulties of living.

HOI GIA-DINH TU-NHAN CHINH-TRI VIET-NAM P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA. 22205-0

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH
****

Hồ Sơ Bổ Túc

NAME (Ten Tu-nhan) : TRẦN VĂN HỈ
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH (Nam, noi sinh) : 8/1934
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Male Female (Nu): _____

MARITAL STATUS (Tinh trang gia dinh): Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X

ADDRESS IN VIETNAM (Dia chi tai Viet-Nam) : 32/8 KHOM CẦU CÔNG - AN KHÁNH HAMLAGE - THỦ ĐỨC DISTRICT

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong)

If Yes (Neu co): From (Tu): 1975 To (Den): 1977 and died in the camp.

PLACE OF RE-EDUCATION CAMP (Trai tu): BỘ TƯ LỆNH ĐOÀN 50D - TRUNG ĐOÀN SỐ: 02/BC - CẢI TẠO D3

PROFESSION (Nghe nghiep): BIỆT ĐỘNG QUÂN PHÁI ĐOÀN 73

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): SUB-LIEUTENANT

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): CHIEF PLATOON Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): X

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 09
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 32/8 KHÓM CẦU CÔNG - XÃ AN KHÁNH - HUYỆN THỦ ĐỨC

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____

NAME & SIGNATURE: HUỲNH THỊ NĂM - 32/8 KHÓM CẦU CÔNG - XÃ AN KHÁNH
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

10 20 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH THI NAM
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
01. TRẦN THỊ MỸ LINH	1970	Daughter
02. TRẦN THỊ MỸ DUNG	1971	Daughter
03. TRẦN HỒNG MAI	1981	Grand-child
04. TRẦN THỊ HỒNG LIÊN	1964	Daughter
05. TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	1959	Daughter
06. TÔ THANH SƠN	1980	Grand-child
07. TÔ NGỌC TRẦN PHƯƠNG	1982	Grand-child
08. HỒ THỊ THÚY DƯƠNG	1985	Grand-child

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

As the same

ADDITIONAL INFORMATION : My family has met a lot of difficulties of living.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Việt-Nam

TỐI CAO PHÁP-VIỆN
(Cour Suprême)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM SAIGON
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE SAIGON)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH an đông xã GIA ĐỊNH **(NAM PHẦN)**
(Extrait du registre des actes de naissance) *(Sud Viêt-Nam)*

NĂM 1939 *(Année)* SỐ HIỆU 82 *(Acte N°)*

Cha và mẹ khai và nhìn luận là con của mình sinh ra ?.

Tên, họ đứa con nít . . . . . *(Nom et prénom de l'enfant)*	HUỲNH THỊ NĂM
Nam, nữ. . . . . *(Sexe de l'enfant)*	nữ
Sanh ngày nào. . . . . *(Date de naissance)*	le 30-6-1939
Sanh tại chỗ nào . . . . . *(Lieu de naissance)*	an đông xã
Tên, họ cha . . . . . *(Nom et prénom du père)*	HUỲNH VĂN AN
Cha làm nghề gì. . . . . *(Sa profession)*	làm mướn
Nhà cửa ở đâu. . . . . *(Son domicile)*	an đông xã
Tên, họ mẹ . . . . . *(Nom et prénom de la mère)*	NGÔ THỊ XUÂN
Mẹ làm nghề gì . . . . . *(Sa profession)*	làm việc nhà
Nhà cửa ở đâu . . . . . *(Son domicile)*	an đông xã
Vợ chánh hay thứ . . . . . *(Son rang de femme mariée)*	//

Chúng tôi _____
Nous
được Chánh-án Tòa Saigon u.n. _____
Président du Tribunal
chứng cho hợp-pháp chữ ký của
Certifions l'authenticité de la signature de
ông _____
M.
Chánh Lục-sự Tòa-án Sở tại.
Greffier en chef dudit tribunal
Saigon, ngày _____ *197*

T.U.N. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)
THẨM-PHÁN,

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme),

Saigon, ngày 16-8 *197* I
K.T. CHÁNH LỤC-SỰ, 1966
(LE GREFFIER EN CHEF)

CHÁNH-LỤC-SỰ
TRẦN THỊ CANH

Giá tiền : 15
(Coût)
Biên-lai số 6482
(Quittance N°)

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường.....
Huyện, Quận.....
Tỉnh, Thành phố.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số.....
Quyển số.....

GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ và tên _____ Nam hay nữ _____
Ngày, tháng, năm sinh _____
_____
Nơi sinh _____
Dân tộc _____ Quốc tịch _____

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên		
Tuổi		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp		
Nơi thường trú		

5/39 QĐ 261/QĐ - HT

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai
_____
_____

Đăng ký ngày ____ tháng ____ năm 19____
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày ____ tháng ____ năm ____
T/M UBND
ký tên, đóng dấu CHÁNH VĂN PHÒNG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TÒA SƠ-THẨM

PHÒNG LỤC-SỰ

TRÍCH-LỤC ÁN PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ THAM SAIGON

Ngày 7 tháng 12 năm 19 71

Số 7046 ND

Án thế-vì khai-sanh cho

Trần-thị-Mỹ-Linh

Tòa SƠ THAM xử về việc Hộ trong phiên nhóm công khai ngày 7 tháng 12 năm 19 71 gồm có các ông :

Chánh-Án : NGUYỄN VĂN TÀI
Biện-Lý : LƯƠNG ĐỨC HỢP
Lục-Sự : VU THI LICH

đã lên bản án như sau :

BẢN ÁN — TÒA ÁN

Chiếu theo đơn của Huỳnh-thị-Năm

BỞI CÁC LẼ ẤY :

Chứng nhận Trần-văn-Hải và Huỳnh-thị-Năm nhìn trẻ ấy là con,

Phán rằng:- Trần-thị-Mỹ-Linh , nữ, sanh ngày mười lăm tháng mười một năm một ngàn chín trăm bảy mươi (15/11/1970) tại quận 9 Saigon , con của Trần-văn-Hải và Huỳnh-thị-Năm.

Phán rằng kể từ nay Trần-thị-Mỹ-Linh , là con tư sanh được chánh thức hóa do sự nhìn nhận và chấp hữu thân trạng là con chung sau ngày lập hôn thú của Trần-văn-Hải và Huỳnh-thị-Năm ./-

//

Phán rằng án này, thế-vì khai-sanh cho trẻ ấy
Dạy ghi đoạn phán-quyết án này vào sổ khai-sanh đương-niên

QUAN 9 SAIGON

và lược-biên án này vào lề tờ khai-sanh gần nhứt ngày 15.II.1970

NƠI NOI TREN

giữ lại lưu-trữ công-văn và Phòng Lục-Sự Tòa Án sở tại.

Dạy nguyên-đơn chịu hết án-phí
Án này làm, xử và tuyên vào ngày, tháng và năm đã kể trên.
Ký tên : NGUYEN VANTAI VU THI LICH

Trước-bạ tại ngày
Quyển Tờ Số 659.16
Thân

PXM.12

GIÁ TIỀN	
Con niêm . .	21$00
Bổng lộc . . .	5$00
Biên-lai . . .	0$50
Cộng-chung . .	29$50

TRÍCH Y BẢN CHÁNH

SAIGON ngày 6 tháng 7 năm 1972

CHÁNH LỤC-SỰ

KT CHÁNH LỤC-SỰ

PHẠM CÔNG NGHIỆP

NAM PHẦN
ĐÔ THÀNH SAIGON
Tòa Hành-Chánh Quận 9
Số Mục: 610

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi mốt

Tên, họ đứa nhỏ	TRẦN-THỊ-MỸ-DUNG
Phái	nữ
Ngày sanh	mười sáu tháng mười một năm một ngàn chín trăm bảy mươi mốt, hồi 4g 45
Nơi sanh	38/2 An-Khánh Quận 9
Tên, họ người Cha	TRẦN-VĂN-HẢI
Tuổi	37 tuổi
Nghề-nghiệp	Quân-nhân
Nơi cư-ngụ	32/8 Cầu cống Quận 9
Tên, họ người mẹ	HUỲNH-THỊ-NAM
Tuổi	32 tuổi
Nghề-nghiệp	nội trợ
Nơi cư-ngụ	32/8 Cầu cống Quận 9
Vợ chánh hay thứ	vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 19 tháng 11 năm 1971

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH :

Saigon, ngày 25 tháng 11 năm 1971

T. L. QUẬN-TRƯỞNG QUẬN 9

PHÓ QUẬN TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, Thị trấn An Khánh

Thị xã, Quận Thủ Đức

Thành phố, Tỉnh Hồ chí minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu : HT2/P3

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số : 430

Quyển số : I 1981

Họ và tên	Trần Hồng Mai	Nam, nữ nữ
Sinh ngày tháng năm	Mười tháng mười năm, một ngàn chín trăm tám mươi một 10 - 10 - 1981	
Nơi sinh	Xã Thủ Thiêm	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	Đỗ Quang Sáng 1957	Trần Thị Hồng Siên 1963
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp		
Nơi ĐKNK thường trú	1/16 A Quận Phú nhuận	32/8 ấp cầu cống huyện Thủ Đức
Họ tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Trần Thị Hồng Siên 32/8 ấp cầu cống xã an Khánh huyện Thủ Đức	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÁNH

Ngày 19 tháng 11 năm 1986

TM. UBND Xã ký tên đóng dấu

NGUYỄN VĂN NAM

Đăng ký ngày 3 tháng 11 năm 1981

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

NGUYỄN VĂN NAM

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, Thị trấn: phường 11

Thị xã, Quận: Gò vấp

Thành phố, Tỉnh: Hồ chí minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/PB

Bản sao

GIẤY KHAI SINH

Số 25

Quyển số 01

Họ và tên	Đỗ - Thanh - Sơn	Nam, nữ: Nam
Sinh ngày tháng, năm	ngày hai mươi hai tháng hai năm một ngàn chín trăm tám mươi. (22-02-1980) Lúc 21 giờ 20'	
Nơi sinh	Bệnh viện Gò vấp Quận Gò vấp	
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Đỗ - ngọc - Sáng 1958	Trần - thị - Ánh - Tuyết 1959
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt - nam	Kinh Việt - nam
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Công nhân Dệt 135/40 nhà mang	Công nhân xây lắp phường 11 Quận Gò - vấp
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Đỗ - ngọc - Sáng 135/40 nhà mang, phường 11 Quận Gò - vấp 020 150726	

Đăng ký ngày 03 tháng 03 năm 80

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 03 tháng 03 năm 80

TM/UBND: Gò vấp ký tên đóng dấu

TK

Nguyễn Ngọc Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã phường An Khánh
Huyện, Quận Thủ Đức
Tỉnh, Thành phố Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT
Số 646
Quyển 2/85

GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên [redacted] THỊ THÙY DƯƠNG Nam hay Nữ Nữ
Ngày, tháng, năm sinh Ngày bảy, tháng mười hai, một chín tám lăm (7/12/1985)
Nơi sinh Thủ Thiêm
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt- Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Trần Thị Ánh Tuyết	Hồ Văn Liêm
Tuổi	1959	1960
Dân tộc	Kinh	
Quốc tịch	Việt-	Nam
Nghề nghiệp	Công nhân	Công nhân
Nơi thường trú	32/8 Cầu Cống	32/8 Cầu Cống
	Xã An Khánh	Xã An Khánh

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Hồ văn Liêm

Đăng ký ngày 16 tháng 12 năm 19 85

Người đứng khai ký

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
UVT
(Đã kí : Võ văn Thanh)

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 27 tháng 10 năm 89
T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU
UVT

Nguyễn Tấn Lợi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 021427756

Họ tên: HUỲNH THỊ NĂM

Sinh ngày 30-06-1939

Nguyên quán An Khánh,
Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú 32/8 An Khánh,
Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo Cao Đài

	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH Sẹo chấm cách 0,5cm sau đuôi mày phải.
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 29 tháng 01 năm 1980 [illegible] HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN. Lê Thanh Vân

Số: ___
HỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÁNH
XUẤT TRÌNH TẠI ỦY BAN XÃ AN KHÁNH
Ngày 20 tháng 12 năm 1989
[illegible] AN KHÁNH
[illegible] TỊCH

NGUYỄN TẤN LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: [redacted]

Họ tên: TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT

Sinh ngày 1959

Nguyên quán An Khánh,
Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú 135/4 Minh Mạng,
Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

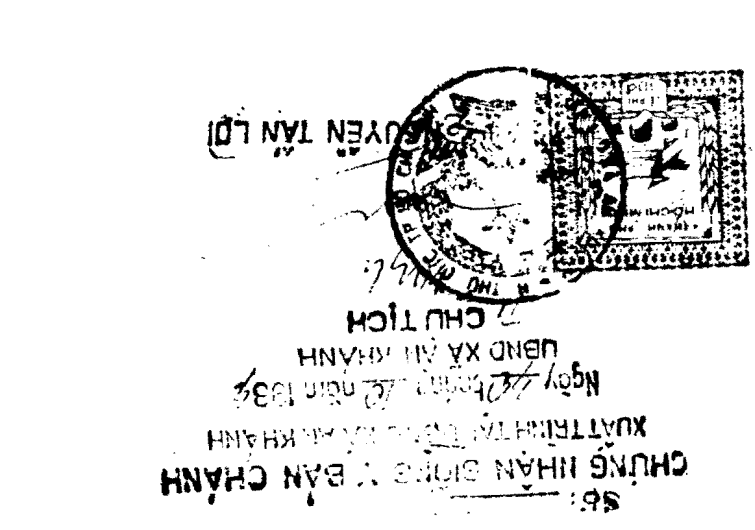

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH
	Sẹo chấm cách 1,1cm dưới trước đầu mày phải.
NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 26 tháng 10 năm 1978

T.L. GIÁM ĐỐC, KT. TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CS I

Trần Văn Cận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 021427767

Họ tên: TRẦN THỊ HỒNG LIÊN

Sinh ngày: 02-07-1964

Nguyên quán: Quận 05, TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú: 32/8 An Khánh, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Cao Đài

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chấm tách 2,2cm

trên trước đầu mày trái.

Ngày 29 tháng 01 năm 1980

G TRƯỞNG TY CÔNG AN

Thanh Văn

Số:

CHỨNG NHẬN GIỐNG Ý BẢN CHÁNH

XUẤT TRÌNH TẠI UBND XÃ AN KHÁNH

Ngày 30 tháng 12 năm 1983

UBND XÃ AN KHÁNH

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TẤN LỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022727853

Họ tên TRẦN THỊ MỸ LINH

Sinh ngày 20-12-1971

Nguyên quán Thủ Đức,
TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú 32/8 An Khánh,
Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Cao đài

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH
Nốt ruồi cách 2 cm dưới trước đuôi mắt phải.

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

31 tháng 5 năm 1989

TRƯỞNG PHÒNG HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Văn Thê

CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÁNH

XUẤT TRÌNH TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN KHÁNH

Ngày 2 tháng 11 năm 1989

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN KHÁNH

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TẤN LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: [redacted]

Họ tên TRẦN THỊ MỸ DUNG

Sinh ngày 20-12-1971

Nguyên quán Thủ Đức,
TP.Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú 32/8 An Khánh,
Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Cao đài

	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH Sẹo chấm cách 1,2cm dưới trước đầu mắt trái.
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 31 tháng 5 năm 1989 CHỦ GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN Vân Thô

Số: _____

CHỨNG NHẬN GIỐNG Ý DÂN CHÁNH

XUẤT TRÌNH TẠI CÔNG AN KHÁNH

Ngày 10 tháng 10 năm 1989

UBND XÃ AN KHÁNH

NGUYỄN TẤN LỢI

GIẤY PHÉP KẾT HÔN

(Huấn-thị 650 - 401 ngày 1-9-67)

PHẦN I. ĐƠN XIN KẾT HÔN

(Đổ Điều Chỉnh)

1 - Họ tên Quân nhân xin kết hôn : TRẦN-VĂN-HẢI	2- Cấp bậc : Chuẩn-Úy/DH	3 - Số-quân : 54/185127
4 - Ngày sinh : 15.08.1934 / 5 - Gia-cảnh : CI VỢ 03 CON	6- Thành phần QLVNCH CLQ [+] ĐPQ [ ]	7 - Đơn-vị : Tiểu-Đoàn 73/BĐQ/BP.
8 - Họ tên vị hôn thê (hoặc hôn phu) HUỲNH-THI-N.H	9- Nghề-nghiệp : Nội Trợ	
10 - Ngày sinh : 30.06.1939 / 11 - Gia-cảnh : Có chồng	12- Địa-chỉ : Ấp Long-Hoa, Xã Long-Thành, Quận Phú-Khương, Tỉnh Tây-Ninh.	
13 - Họ tên cha vị hôn thê (hoặc hôn phu) : HUỲNH-VĂN-AN	14- Họ tên mẹ vị hôn thê (hoặc hôn phu) : NGÔ-THI-HUỆ	

15 - CAM KẾT :

Tôi xin cam-kết hoàn-toàn chịu trách-nhiệm trong trường-hợp người phối-ngẫu của Tôi là Cô (hoặc Ông) HUỲNH-THI-N.H trong thời gian chung sống với tôi có những hoạt-động phương-hại đến nền an-ninh Quốc-gia hay hành những nghề có thể làm tổn-thương đến danh-dự của QLVNCH.

(Điều 191 Sắc luật số 13/CT/LĐQGQL/SL ngày 20-10-64 bắt buộc vợ người Quân-nhân phải từ bỏ nghề của mình nếu nghề này xét có phương hại cho thanh danh của Quân-đội).

16 - Làm tại KBC 34.52 ngày 30.10.1971	18- Chữ ký của Quân-nhân xin kết hôn :
17 - Nơi nhận CHT. KBC 40.02/TQT	

PHẦN II. QUYẾT ĐỊNH CỦA GIỚI CHỨC CÓ THẨM QUYỀN

19 - Giấy phép kết hôn số : 0888/TTM/TQT/NSV/HTP-KBC,4002 ngày 18 th. 01. 1972

20 - QUYẾT-ĐỊNH CỦA CẤP CHỈ HUY HỮU-QUYỀN :

Chấp-thuận đơn xin trên đây và lưu-ý quân-nhân được cấp phép kết hôn :

- Giấy phép kết hôn này chỉ có giá trị trong phạm vi QLVNCH.
- Ngoài những hình-phạt về quân-kỷ, quân-nhân còn có thể bị truy-tố trước pháp-luật nếu vi phạm luật Gia-đình (Sắc-luật số : 15/64 ngày 23-7-1964).

21 - Cấp-bậc, Họ tên, Chức-vụ và chữ ký của giới chức cấp phép kết hôn.

NƠI NHẬN:
-BCH/BĐQ/QĐIII-QK3-KBC:34.52-
.....

Cước-Chú: Được hưởng phụ cấp gia-đình k/t ngày cấp phép kết-hôn để đ/c.

167
6972

TL. Đại-Tướng CAO-VĂN-VIÊN
TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG/Q.L.V.N.C.H.
Trung-Tướng NGUYỄN-VĂN-MẠNH
Tham mưu Trưởng Bộ TTM
Thiếu-Tướng NGUYỄN-XUÂN-TRANG
Tham mưu Phó Nhân-Viên.

MẪU 01.09.67 QĐ-900

09.67.TTALAP.O.922

CHỈ DẪN

PHẦN I. Do quân nhân muốn lập gia-đình điền khuyết (5 bản nếu kết hôn với thường dân và 7 bản nếu kết hôn với quân nhân) bằng máy đánh chữ các mục từ 1 đến 17 và ký tên vào mục 18. Nếu không có máy đánh chữ, có thể điền bằng bút mực nhưng phải viết theo lối chữ in. Tất cả các mục phải được ghi đầy đủ và sạch sẽ, nếu không nhân-viên nhận đơn sẽ hoàn trả để thiết lập lại.

- Họ tên (mục 1 và 8) : Ghi đúng theo khai sinh.
- Cấp bậc (mục 2) : Ghi ngạch bằng chữ tắt tiếp theo cấp bậc. (thí dụ : Trung-úy TB - Trung-sĩ HD...)
- Số quân (mục 3) : Ghi đầy đủ số quân 8 số.
- Gia-cảnh (mục 5 và 11) : Ghi độc thân, góa vợ hoặc ly-dị (không cần ghi số con).
- Thành phần QLVNCH (mục 6) : Đánh dấu tréo (x) vào ô thích hợp.
- Nghề nghiệp (mục 9) : Ghi cấp bậc, nếu vị hôn thê hoặc hôn phu là quân nhân.
- Địa-chỉ (mục 12) : Phải ghi rõ ràng, để việc điều-tra kết hôn có thể xúc tiến và hoàn tất mau chóng.
- Nơi nhận (mục 17) : Ghi KBC của cơ quan hay đơn-vị có thẩm-quyền cấp phép kết hôn. Đối với đơn xin của Sĩ quan, chuẩn-úy và quân nhân khác thuộc thẩm-quyền Bộ TTM, ghi KBC của Bộ TTM/Phòng TQT : 40.02/TQT.

PHẦN II. Dành cho cơ quan hoặc đơn-vị có thẩm quyền cấp phép kết hôn.

BCH/BDQ/QDIII.CK3
Phòng Nhất

Số 030970 /BDQ/QDIII.-CK3/PI/NSV/KH

NƠI NHẬN:
-BCH/BDQ/QDIII.CK3/PI/HSP
-Tiểu-Đoàn 73/PTQ/HP
-Đại-Đội 3/ Y.T.C.V. "Để thi hành"
Hồ sơ lưu

KBC 34.52, Ngày 24 th. 01.1972
Đại-Tá NGUYỄN-THÀNH-CHUẨN
Chỉ-Huy-Trưởng BDQ/QDIII.CK3
Trung-Tá LÊ-NHƯ-HUỆ
Chỉ-Huy-Phó

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .... Từ ngày .... tháng ..... năm ..... **Ký tên, đóng dấu**	Chứng nhận đã chuyển đến ở : .... Từ ngày . tháng ..... năm ..... **Ký tên, đóng dấu**
Chứng nhận đã chuyển đến ở : .... Từ ngày .... tháng ..... năm ..... **Ký tên, đóng dấu**	Chứng nhận đã chuyển đến ở : .... Từ ngày ..... tháng ..... năm ..... **Ký . đóng dấu**

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 982523 CN

Họ và tên chủ hộ : HUỲNH THỊ NĂM

Ấp, ngõ, số nhà : 32/8 Cầu ông

Thị trấn, đường phố : .....

Xã, phường : Tân Khánh

Huyện : Thủ Đức

Số : _____

CHỨNG NHẬN GIỐ... ...ẢN CHÁNH
XUÂ... ...ANH
Ngày 10 - 10 ...
UBND XÃ ... ANH
CHỦ TỊCH

Ngày 10 tháng 23 năm 1988
Trưởng công an : Thủ Đức
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGUYỄN TẤN LỢI

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Huỳnh thị Mẫn	chủ hộ	nữ	1939	021427766	Buôn bán	01.10.76		
02	Trần Kí La	con	nam	1967			01.10.76	chết	
03	Trần thị Mỹ Linh	con	nữ	1970	022727853		01.10.76		
04	Trần thị Mỹ Dung	con	nữ	1971	022727852		01.10.76		
05	Trần Hồng Mai	cháu	nữ	1981			05.11.81		
06	Trần thị Hồng Liên	con	nữ	1964			01.10.1976		
07	Trần Thị Anh Tuyết	con	nữ	1959			15.11.85		
08	Tô Thanh Sơn	cháu	nam	1980			15.11.85		
09	Tô ngọc Trần Phương	cháu	nam	1982			15.11.85		
10	Hồ Thị Thùy Dương	cháu	nữ	1985			31.12.85		
~~11~~	~~Hồ Văn Tiêm~~	~~con rể~~	~~nam~~	~~1960~~	~~022727114~~		~~20.11.1986~~	22/2 Ấp đình	
~~12~~	~~Trần thị la Linh~~	~~cháu~~	nữ	1986			~~25-11-1986~~	Ấp chết	

FROM: HUỲNH THỊ NĂM
32/8 KHÓM CẦU CÔNG - XÃ AN KHÁNH
HUYỆN THỦ ĐỨC - T/P HCM

TP. HỒ CHÍ MINH
30.7.90

VIET NAM
193500

MÁY BAY
PAR AVION

AUG 1 5 1990

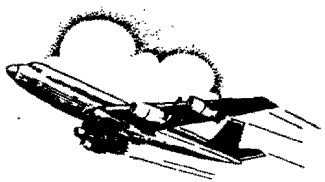

TO: MRS KHÚC MINH THỎ
PO. BOX 5435 ARLINGTON.
VA 22205-0635
USA

PAR AVION VIA AIR MAIL

ARLINGTON VA 22205-0635